

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2015/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính Quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 178/2013/TT-BTC ngày 02/12/2013 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở GTVT tại Tờ trình số 85/TTr-SGTVT ngày 11/6/2015 về việc đề nghị ban hành Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 2708/STC-QLGCS ngày 14/11/2014 và Báo cáo thẩm định số 234/BC-STP ngày 29/12/2014 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các sở, ngành, cơ quan đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Viết Chữ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là tài sản hạ tầng đường bộ) địa phương trên địa bàn tỉnh (gồm: Đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường xã, đường thôn, khối phố và đường do Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi quản lý).

2. Quy định này không áp dụng đối với tài sản hạ tầng đường bộ thuộc đường chuyên dùng của các tổ chức, đơn vị không do ngân sách nhà nước đầu tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

1. Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã); Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi.

2. Phòng Kinh tế hạ tầng (Quản lý đô thị) cấp huyện và các đơn vị được cơ quan quản lý nhà nước quy định tại Khoản 1 Điều này giao trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ.

3. Tổ chức, cá nhân được cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hạ tầng đường bộ hoặc đơn vị trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ giao bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ hoặc thực hiện các công việc liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản hạ tầng đường bộ theo Quy định này là:

a) Sở Giao thông vận tải: Là đơn vị trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ thuộc các tuyến đường tỉnh và các tuyến đường khác được cấp có thẩm quyền giao trực tiếp quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Là đơn vị trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ thuộc các tuyến đường huyện, đường đô thị và các tuyến đường khác được cấp có thẩm quyền giao trực tiếp quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã: Là đơn vị trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ thuộc các tuyến đường xã, thôn, khối phố.

2. Đơn vị trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh là: Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi.

3. Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ là chủ thể được cơ quan quản lý nhà nước giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

4. Tổ chức, cá nhân được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ giao bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ là chủ thể thực hiện việc bảo trì theo Hợp đồng ký với cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ (sau đây gọi tắt là nhà thầu).

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ

1. Tài sản hạ tầng đường bộ phải được thực hiện chế độ quản lý, sử dụng, bảo trì theo đúng tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý, sử dụng, khai thác và bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và phải được công khai, minh bạch.

2. Tài sản hạ tầng đường bộ phải được tổ chức kiểm kê, lập danh mục, phân loại, áp giá, hạch toán đầy đủ về hiện vật và giá trị tài sản theo tiêu chuẩn kỹ thuật, tính hao mòn của từng loại tài sản hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Chương II

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI SẢN HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành về khung giá bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý, sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ thuộc địa phương quản lý.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn quản lý tài sản hạ tầng đường bộ và việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài sản hạ tầng đường bộ; kiểm tra việc thực hiện bảo trì, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật và việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ; kiểm tra việc lập, lưu trữ hồ sơ, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, hạch toán tài sản hạ tầng đường bộ địa phương theo quy định.

4. Thực hiện trách nhiệm của cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ trên các tuyến đường tỉnh và các tuyến đường khác được cấp có thẩm quyền giao trực tiếp quản lý.

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài sản hạ tầng đường bộ trên địa bàn; trách nhiệm của cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ hoặc giao cho đơn vị có chức năng trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị và các tuyến đường khác được cấp có thẩm quyền giao quản lý theo quy định.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, đơn vị được giao trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ trên địa bàn thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản hạ tầng đường bộ theo Quy định này.

3. Chỉ đạo lập danh mục, phân loại tài sản hạ tầng đường bộ theo tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại tài sản hạ tầng đường bộ để có biện pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ trên địa bàn.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài sản hạ tầng đường bộ trên địa bàn; trách nhiệm của cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ hoặc giao cho đơn vị có chức năng trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ trên các tuyến đường xã, thôn, khối phố theo quy định.

2. Lập danh mục, phân loại tài sản hạ tầng đường bộ theo tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại tài sản hạ tầng đường bộ để có biện pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ trên địa bàn.

Điều 8. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi

1. Thực hiện trách nhiệm của cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ hoặc giao cho đơn vị có chức năng trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ trên các tuyến đường bộ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý trên địa bàn Khu Kinh tế Dung Quất và địa bàn các Khu công nghiệp tỉnh theo quy định.

2. Chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài sản hạ tầng đường bộ; kiểm tra việc thực hiện bảo trì, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật và việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ; kiểm tra việc lập, lưu trữ hồ sơ, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, hạch toán tài sản hạ tầng đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý theo quy định.

3. Lập danh mục, phân loại tài sản hạ tầng đường bộ theo tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại tài sản hạ tầng đường bộ để có biện pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý.

Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được giao bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ

1. Thực hiện công tác bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết với cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ.

2. Phát hiện, ngăn chặn, trình báo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý kịp thời đối với đối tượng có hành vi xâm phạm tài sản hạ tầng đường bộ.

3. Chịu trách nhiệm trước cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ và pháp luật của nhà nước về chất lượng tài sản hạ tầng đường bộ bị xuống cấp do thực hiện việc bảo trì không đảm bảo chất lượng, không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật quy định.

4. Chủ động thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn của tài sản hạ tầng đường bộ trong quá trình thực hiện công tác bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ được giao.

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện công tác bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ưu đãi về vốn, thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỒ SƠ QUẢN LÝ, HẠCH TOÁN, ĐIỀU CHUYỂN VÀ THANH LÝ TÀI SẢN HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 10. Hồ sơ tài sản hạ tầng đường bộ

1. Hồ sơ tài sản hạ tầng đường bộ do cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ quản lý, gồm:

- a) Hồ sơ liên quan đến việc hình thành, biến động tài sản hạ tầng đường bộ được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giao thông vận tải;
- b) Báo cáo kê khai tài sản hạ tầng đường bộ;
- c) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ;
- d) Cơ sở dữ liệu về tài sản hạ tầng đường bộ được giao quản lý;

2. Cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ chịu trách nhiệm lập hồ sơ về tài sản hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 11. Quản lý, lưu trữ hồ sơ tài sản hạ tầng đường bộ

1. Cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ chịu trách nhiệm quản lý, lưu trữ đầy đủ hồ sơ về tài sản hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi được giao quản lý theo Quy định này.

2. Sở Giao thông vận tải giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, lưu trữ các hồ sơ tài sản hạ tầng đường bộ sau đây:

- a) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ thuộc địa phương quản lý;
- b) Cơ sở dữ liệu về tài sản hạ tầng đường bộ thuộc địa phương quản lý.

3. Sở Tài chính thực hiện việc quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về tài sản hạ tầng đường bộ trên phạm vi toàn tỉnh.

Điều 12. Hạch toán tài sản hạ tầng đường bộ

1. Cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ có trách nhiệm:

a) Nhận biết tài sản hạ tầng đường bộ đủ tiêu chuẩn để ghi sổ hạch toán theo đúng quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 10/2013/NĐ-CP);

b) Xác định nguyên giá tài sản hạ tầng đường bộ để ghi sổ hạch toán theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 10/2013/NĐ-CP.

2. Thực hiện việc hạch toán tài sản hạ tầng đường bộ:

a) Sở Giao thông vận tải thực hiện việc mở sổ, hạch toán, báo cáo tình hình tăng, giảm tài sản hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả tài sản hạ tầng đường bộ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị khác quản lý);

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc mở sổ, hạch toán, báo cáo tình hình tăng, giảm tài sản hạ tầng đường bộ thuộc các tuyến đường huyện, đường đô thị và các tuyến đường bộ khác được giao quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc mở sổ, hạch toán, báo cáo tình hình tăng, giảm tài sản hạ tầng đường bộ địa phương thuộc phạm vi quản lý;

d) Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi thực hiện việc mở sổ, hạch toán, báo cáo tình hình tăng, giảm tài sản hạ tầng đường bộ thuộc trách nhiệm quản lý của đơn vị mình.

3. Khi tài sản hạ tầng đường bộ có sự thay đổi về nguyên giá thì cơ quan trực tiếp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải thực hiện hạch toán tăng, giảm nguyên giá tài sản theo quy định;

Điều 13. Xác định nguyên giá tài sản hạ tầng đường bộ được giao quản lý để ghi sổ hạch toán

1. Nguyên tắc xác định nguyên giá tài sản hạ tầng đường bộ:

a) Đối với tài sản hạ tầng đường bộ được thực hiện quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành, thì nguyên giá tài sản hạ tầng đường bộ để ghi sổ hạch toán là giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đối với tài sản hạ tầng đường bộ đã thực hiện quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành, thì nguyên giá để ghi sổ hạch toán là giá trị được xác định theo bảng giá của tài sản hạ tầng đường bộ có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương đã được kiểm kê, phân loại, áp giá;

c) Trường hợp tài sản hạ tầng đường bộ chưa hoặc không được quy định trong bảng giá theo quy định của Thông tư liên tịch số 99/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 29/7/2014 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải Quy định Bảng giá tài sản hạ tầng đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 99/2014/TTLT-BTC-BGTVT), thì sử dụng giá tạm tính do cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ đề xuất Sở Tài chính thống nhất nguyên giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để căn cứ ghi sổ hạch toán. Đối với tài sản hạ tầng đường bộ do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp gửi Sở Tài chính thống nhất nguyên giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải tổ chức hướng dẫn cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ thực hiện

việc xác định nguyên giá, mở sổ và hạch toán tài sản hạ tầng đường bộ theo đúng Quy định này.

Điều 14. Điều chuyển tài sản hạ tầng đường bộ

1. Khi có sự thay đổi về phân cấp quản lý, phân loại, điều chỉnh thì tài sản hạ tầng đường bộ phải được điều chuyển cấp quản lý hoặc loại tài sản hạ tầng đường bộ được phân loại, điều chỉnh mới theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Thẩm quyền điều chuyển và thực hiện điều chuyển tài sản hạ tầng đường bộ giữa các cơ quan, đơn vị được thực hiện theo Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 11/10/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý và Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 11/10/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND và Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND).

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản hạ tầng đường bộ được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 178/2013/TT-BTC ngày 02/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 178/2013/TT-BTC).

Điều 15. Thanh lý tài sản hạ tầng đường bộ

1. Tài sản hạ tầng đường bộ được thanh lý trong các trường hợp được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Nghị định số 10/2013/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền thanh lý và thực hiện thanh lý tài sản hạ tầng đường bộ được thực hiện theo Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND và Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thanh lý tài sản hạ tầng đường bộ được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 178/2013/TT-BTC.

Chương IV BẢO TRÌ TÀI SẢN HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 16. Đơn vị được giao thực hiện bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ

1. Mọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu và có năng lực đều được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ xem xét giao thực hiện việc bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ theo quy định.

2. Định kỳ hàng năm cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ có trách nhiệm lập và công bố công khai danh mục và kế hoạch bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi của cơ quan, đơn vị mình quản lý.

3. Danh mục và kế hoạch bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ gồm những nội dung chủ yếu sau:

- a) Loại tài sản hạ tầng đường bộ cần thực hiện công việc bảo trì;
 - b) Yêu cầu của cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ về nội dung thực hiện công việc bảo trì;
 - c) Khối lượng công việc bảo trì cần thực hiện trong kỳ; đơn giá cho từng khối lượng công việc; tổng kinh phí thực hiện; nguồn kinh phí được bố trí thanh toán; phương thức nghiệm thu và thanh toán.
4. Việc tổ chức lựa chọn đơn vị, cá nhân thực hiện công việc bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ được thực hiện theo quy định của pháp luật; trừ trường hợp giao việc bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ cho nhà thầu thi công xây dựng quy định tại Điều 18 của Quy định này.
5. Việc bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế theo các phương thức được quy định tại Điều 18, 19 và Điều 20 Quy định này.

Điều 17. Giao việc bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ cho nhà thầu thi công xây dựng

1. Nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng mới tài sản hạ tầng đường bộ được cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ giao thực hiện công việc bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 178/2013/TT-BTC.

2. Việc giao bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ cho nhà thầu thi công xây dựng được áp dụng đối với hoạt động bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ, cụ thể như sau:

a) Căn cứ đơn giá bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ địa phương được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, cấp quyết định đầu tư dự án đầu tư xây dựng mới tài sản hạ tầng đường bộ có trách nhiệm xác định tổng mức kinh phí phục vụ bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi thi công dự án trong một thời gian nhất định; quyết định giao cho nhà thầu thi công xây dựng thực hiện công việc bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ theo phương thức quy định tại Điều 24 của Nghị định số 10/2013/NĐ-CP.

b) Kinh phí bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ được bố trí từ nguồn vốn đầu tư của dự án hoặc do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật và được chi trả theo tiến độ, kết quả chất lượng thực hiện trong thời gian thực hiện công việc bảo dưỡng thường xuyên.

c) Căn cứ quyết định giao trách nhiệm bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ của người quyết định đầu tư dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm ký kết hợp đồng bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ với nhà thầu thi công xây dựng theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu xây dựng thực hiện công việc bảo dưỡng thường xuyên; nghiệm thu và thanh toán kinh phí bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ cho nhà thầu xây dựng theo hợp đồng đã được ký kết.

3. Trong thời hạn thực hiện hợp đồng bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ, trường hợp có phát sinh hoạt động sửa chữa đột xuất hoặc sửa chữa định kỳ thì nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng mới được chủ đầu tư dự án ưu tiên lựa chọn thực hiện nếu nhà thầu đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 5

Thông tư 178/2013/TT-BTC.

4. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu thi công xây dựng khi thực hiện bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ:

a) Được nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi thực hiện bảo trì; được chủ động thực hiện các biện pháp trong hoạt động bảo trì nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng và được thanh toán tiền bảo trì theo hợp đồng ký kết; được khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật nếu quyền và lợi ích bị xâm phạm;

b) Thực hiện công việc bảo trì đảm bảo đúng quy định với hợp đồng đã được ký kết với cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi vi phạm các điều, khoản trong hợp đồng.

Điều 18. Bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ theo chất lượng thực hiện

1. Bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ theo chất lượng thực hiện là việc nhà nước giao khoán cho tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động bảo trì theo các tiêu chuẩn chất lượng đã được xác định trước trong một thời gian nhất định với một số tiền nhất định theo quy định tại hợp đồng kinh tế.

2. Bảo trì theo chất lượng thực hiện áp dụng đối với hoạt động bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ.

3. Cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ có trách nhiệm xác định cụ thể đơn giá bảo dưỡng thường xuyên cho từng tài sản hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi được giao quản lý; phê duyệt đơn giá bảo dưỡng thường xuyên cho từng tài sản hạ tầng đường bộ sau khi có văn bản thỏa thuận của cơ quan tài chính cùng cấp.

4. Đơn giá bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ được xác định bằng một trong các phương pháp sau:

a) Xác định theo định mức kinh tế - kỹ thuật của hoạt động bảo dưỡng thường xuyên;

b) Xác định trên cơ sở mức giá bình quân của hoạt động bảo dưỡng thường xuyên 3 năm liền kề trước đó cộng với yếu tố trượt giá (nếu có);

c) Kết hợp hai phương pháp quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này.

5. Thẩm quyền quyết định đơn giá bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ:

a) Sở Giao thông vận tải phê duyệt đơn giá bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ đối với các tuyến đường tỉnh và các tuyến đường bộ khác được giao quản lý, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi phê duyệt đơn giá bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ do đơn vị mình quản lý sau khi có văn bản thỏa thuận của Sở Tài chính;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt đơn giá bảo dưỡng thường xuyên đối với tài sản hạ tầng đường bộ thuộc địa phương quản lý sau khi có văn bản thỏa thuận của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

6. Căn cứ quyết định phê duyệt đơn giá bảo dưỡng thường xuyên được quy định tại Khoản 5 Điều này; cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ có trách nhiệm:

a) Tổ chức lựa chọn nhà thầu có năng lực để ký hợp đồng thực hiện bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng;

c) Nghiệm thu và thanh toán kinh phí bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ theo hợp đồng ký kết.

7. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thực hiện bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ theo chất lượng thực hiện:

a) Được nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi thực hiện bảo trì; được chủ động thực hiện các biện pháp trong hoạt động bảo trì nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng và được thanh toán kinh phí thực hiện theo hợp đồng ký kết; được khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật nếu quyền và lợi ích bị xâm phạm;

b) Thực hiện bảo trì đảm bảo đúng yêu cầu quy định tại hợp đồng và chịu trách nhiệm trước pháp luật khi vi phạm quy định một trong các điều khoản của hợp đồng ký kết.

Điều 19. Bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ theo khối lượng thực tế

1. Bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ theo khối lượng thực tế là việc cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ giao cho nhà thầu thực hiện việc bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ và thực hiện thanh toán cho tổ chức, cá nhân theo khối lượng công việc thực tế đã thực hiện.

2. Bảo trì theo khối lượng thực tế áp dụng đối với hoạt động sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất.

3. Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức, đơn giá bảo trì và khối lượng công việc cần thực hiện; cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ lập hồ sơ và dự toán kinh phí phục vụ sửa chữa định kỳ hoặc sửa chữa đột xuất tài sản hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi được giao quản lý; báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

4. Căn cứ quyết định phê duyệt dự toán kinh phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ lựa chọn nhà thầu để ký hợp đồng thực hiện sửa chữa định kỳ hoặc sửa chữa đột xuất tài sản hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ được quyết định và chịu trách nhiệm về kinh phí, phương thức thực hiện sửa chữa đột xuất đối với những trường hợp sửa chữa đột xuất cần thiết phải khắc phục ngay. Danh mục những trường hợp sửa chữa đột xuất cần thiết phải khắc phục ngay được thực hiện theo quy định của Bộ giao thông vận tải.

6. Việc sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí sửa chữa định kỳ hoặc sửa chữa đột xuất tài sản hạ tầng đường bộ theo khối lượng thực tế được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu thực hiện bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ theo khối lượng thực tế:

a) Được nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi thực hiện bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ; được khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật nếu quyền và lợi ích bị xâm phạm;

b) Thực hiện bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ theo hợp đồng ký kết; được thanh toán kinh phí bảo trì theo công việc thực tế thực hiện; chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ khi vi phạm quy định trong hợp đồng kinh tế đã được ký kết.

Chương V **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT GẮN LIỀN VỚI TÀI SẢN** **HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ**

Điều 20. Quỹ đất thuộc tài sản hạ tầng đường bộ

1. Hình thức sử dụng đất đối với quỹ đất thuộc tài sản hạ tầng đường bộ được áp dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 10/2013/NĐ-CP.

2. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm phối hợp với các địa phương và cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về tiêu chuẩn định mức quỹ đất dịch vụ hỗ trợ giao thông đường bộ địa phương; xác định vị trí và diện tích cụ thể từng khu đất dịch vụ hỗ trợ giao thông đối với đường tỉnh; phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Bộ Giao thông vận tải về xác định vị trí và diện tích cụ thể từng khu đất dịch vụ hỗ trợ giao thông đường bộ đối với các tuyến quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 21. Tổ chức, cá nhân được giao đất hoặc cho thuê đất dịch vụ hỗ trợ giao thông đường bộ

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ được nhà nước ưu tiên giao đất hoặc cho thuê đất dịch vụ hỗ trợ giao thông đường bộ thuộc phạm vi đường bộ được giao bảo trì để thực hiện kinh doanh dịch vụ.

2. Căn cứ quỹ đất dịch vụ hỗ trợ giao thông đường bộ được xác định theo quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật đối với quỹ đất dịch vụ hỗ trợ giao thông đường bộ; giao đất hoặc cho thuê đất dịch vụ hỗ trợ giao thông đường bộ cho tổ chức, cá nhân theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải.

3. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với quỹ đất dịch vụ hỗ trợ giao thông đường bộ theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và được tính vào vốn đầu tư của dự án (đối với dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng đường bộ), được ngân sách nhà nước đảm bảo (đối với đường bộ đã được xây dựng).

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 22. Sở Giao thông vận tải

1. Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tổ chức thanh tra,

kiểm tra việc tổ chức quản lý, sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ trên phạm vi toàn tỉnh theo Quy định này.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất hoặc cho thuê đất dịch vụ hỗ trợ giao thông đường bộ cho tổ chức, cá nhân để thực hiện kinh doanh dịch vụ theo quy định.

3. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

Điều 23. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các cơ quan trực tiếp quản lý tài sản hạ tầng đường bộ thực hiện công tác kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo Thông tư số 98/2014/TT-BTC ngày 25/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kê toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; áp dụng Bảng giá tài sản hạ tầng đường bộ theo Thông tư liên tịch số 99/2014/TTLT-BTC-BGTVT và tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo Thông tư số 178/2013/TT-BTC.

Điều 24. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc quản lý và phân cấp trách nhiệm quản lý quỹ đất thuộc hành lang an toàn đường bộ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 25. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo kê khai tài sản hạ tầng giao thông đường bộ:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo kê khai tài sản hạ tầng đường bộ tại thời điểm quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 15/10/2015;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo kê khai tài sản hạ tầng đường bộ trên địa bàn tại thời điểm quản lý cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giao thông vận tải) trước ngày 15/11/2015;

c) Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi báo cáo kê khai tài sản hạ tầng đường bộ được giao quản lý tại thời điểm quản lý cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giao thông vận tải) trước ngày 15/11/2015;

d) Sở Giao thông vận tải tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Giao thông vận tải trước ngày 15/12/2015;

đ) Khi có thay đổi về tài sản hạ tầng đường bộ hoặc thay đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền báo cáo cơ quan quản lý nhà nước cấp trên chậm nhất không quá 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi.

2. Báo cáo định kỳ hàng năm tình hình quản lý, sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ trên địa bàn cho Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 30 tháng 01;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ trên địa bàn cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giao thông vận tải) trước ngày 28 tháng 02;

c) Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ được giao quản lý cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giao thông vận tải) trước ngày 28 tháng 02;

d) Sở Giao thông vận tải tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Giao thông vận tải trước ngày 31 tháng 3.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giao thông vận tải) để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Viết Chữ